

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nha

Ông Phan Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lữ Thị Ngọc H, sinh ngày: 26/8/1986; Nơi cư trú: Tổ dân phố TS, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày: 7/1981; Nơi cư trú: Thôn MT, xã CTĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lữ Thị Ngọc H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống với nhau từ năm 2011, được Ủy ban nhân dân xã CTĐ, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 02 ngày 17/9/2011. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề ra ở riêng, ông T không đồng ý với bà H về việc ra ở riêng, vợ chồng cũng đã nhiều lần trao đổi để tìm ra cách giải quyết, gia đình hai bên cũng đã can thiệp giảng giải cho vợ chồng đi đến hòa thuận nhưng sự việc vẫn không thể giải quyết được. Nay bà H không thể tiếp tục sống với ông T nữa vì

hai vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà và ông T có 01 con chung Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày: 25/9/2012. Bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông T cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn ông T; về con chung: Giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án*: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên Lữ Ngọc Q (Bản sao); Chứng minh nhân dân mang tên Lữ Thị Ngọc H (Bản sao); Trích lục khai sinh của Nguyễn Khánh Đ (Bản sao); Biên bản xác minh ngày 06/8/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lữ Thị Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 09/9/2020, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt H.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T nhưng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã CTĐ, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 02 ngày 17/9/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Do ông bà thường xuyên cãi nhau về vấn đề vợ chồng ra ở riêng và không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Bản thân bà H không còn tình cảm với ông T, yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải nhưng ông T không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Tại Biên bản xác minh ngày 06/8/2020, chính quyền địa phương cung cấp: “Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Lữ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T địa phương không nắm được. Do bà H và ông T có mâu thuẫn không nhờ địa phương can thiệp, hòa giải nên địa phương không biết được.”. Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng vợ chồng ông bà đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày: 25/9/2012. Bà yêu cầu được nuôi con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. cháu Đ còn nhỏ, hiện đang sống cùng với mẹ và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần tiếp tục giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, yêu cầu của bà H là có căn cứ, phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”, ông T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lữ Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lữ Thị Ngọc H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Lữ Thị Ngọc H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày: 25/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Khánh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Lữ Thị Ngọc H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Lữ Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000741 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

5. Bà Lữ Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày T từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND xã CTĐ, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

